

Số: 69/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

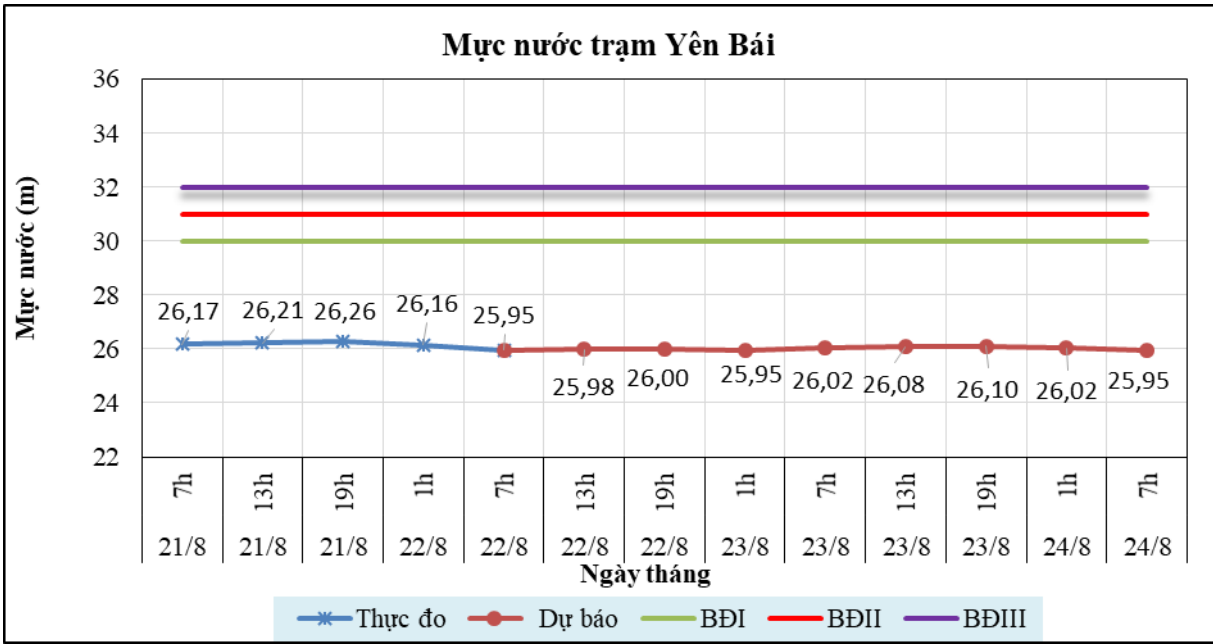
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

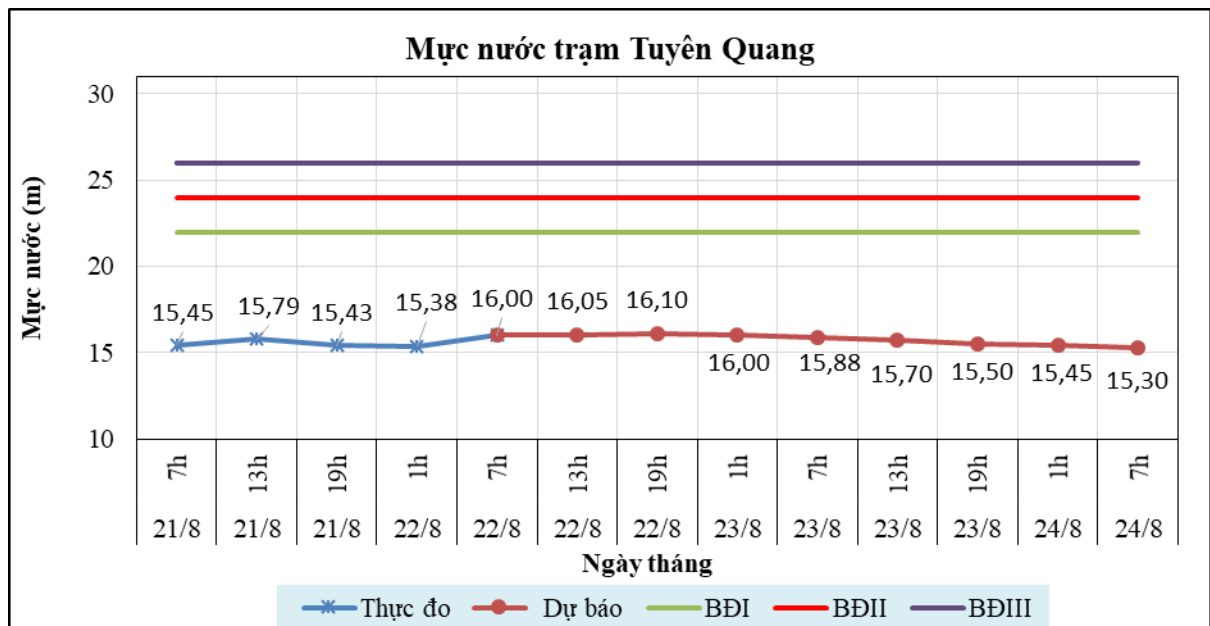
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

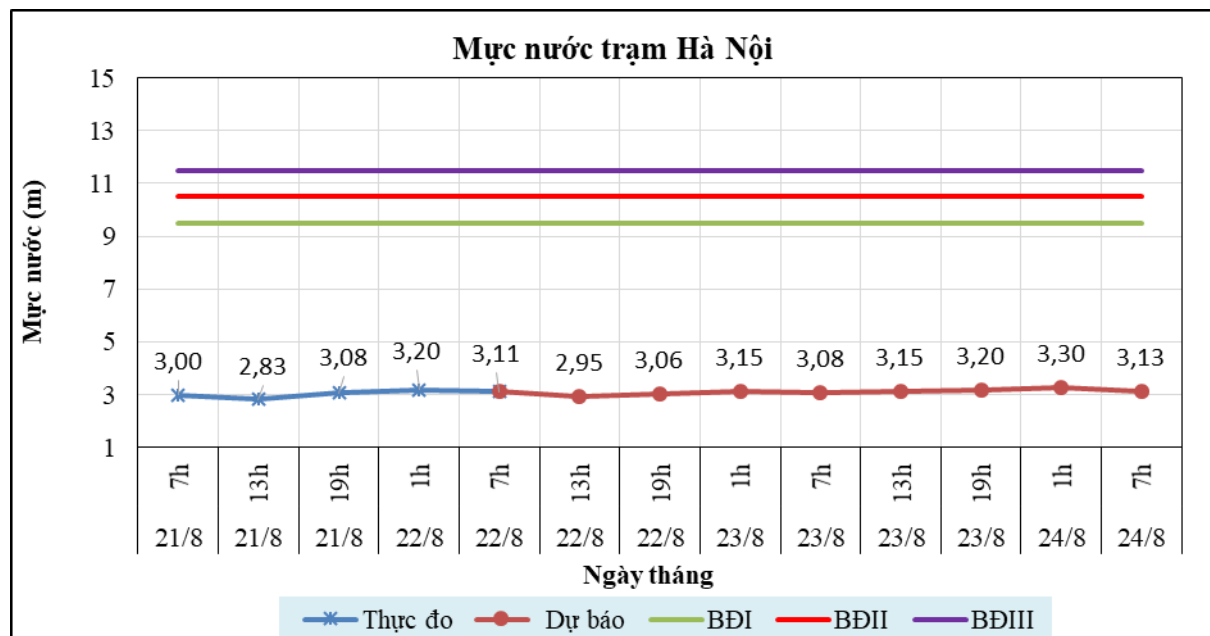
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

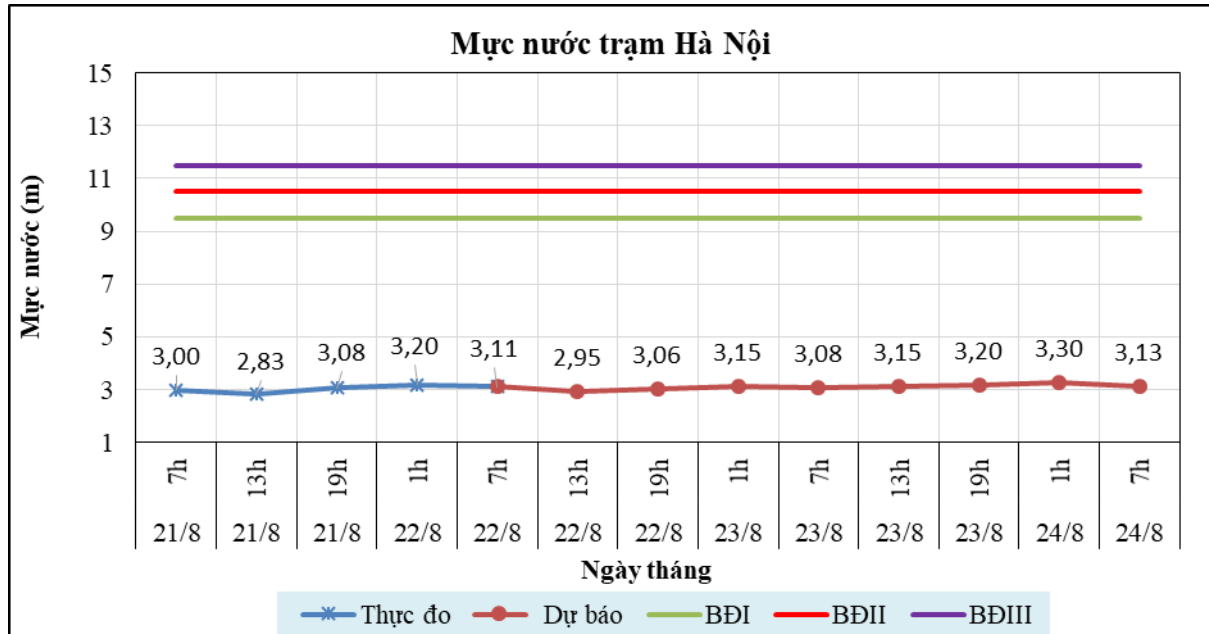
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

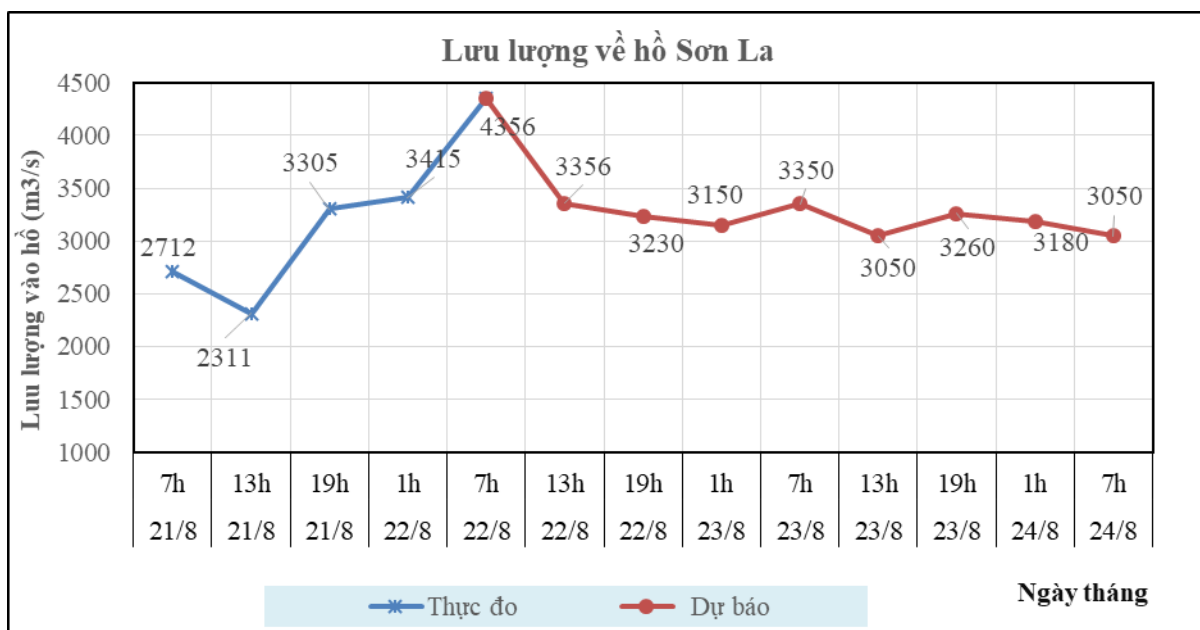
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

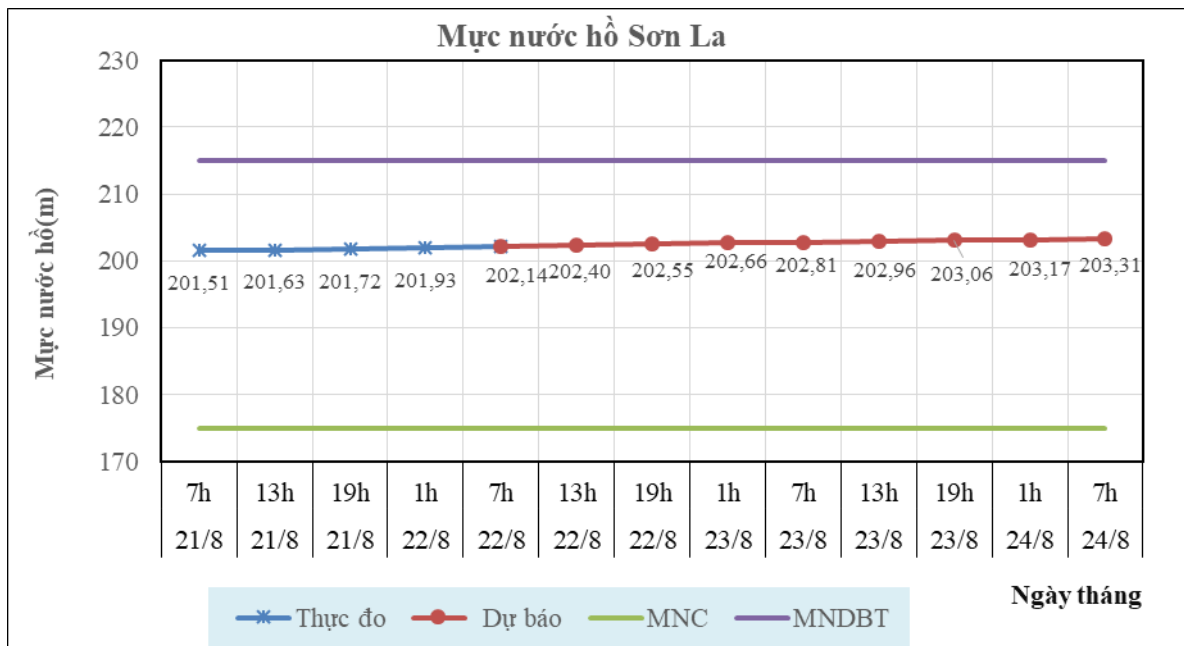
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 22/08/2025 đạt $4356\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 202,14m, lưu lượng có xu thế tăng, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $3350\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 202,81m, 48h tới lưu lượng đạt $3050\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 203,31m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

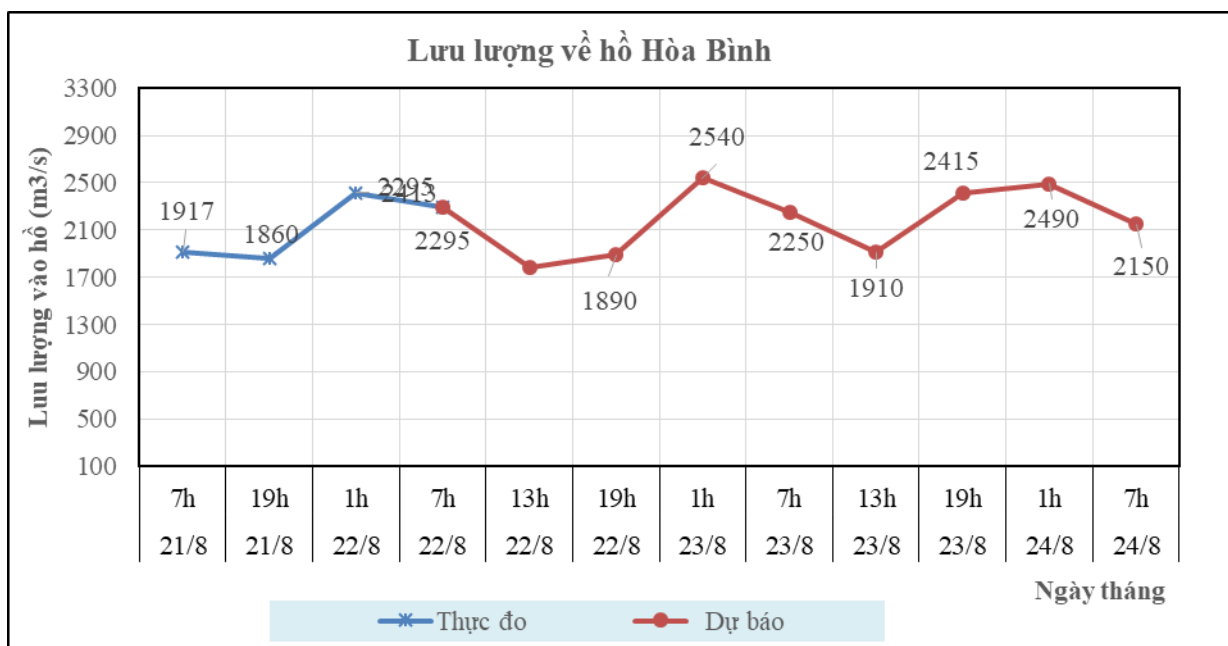
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

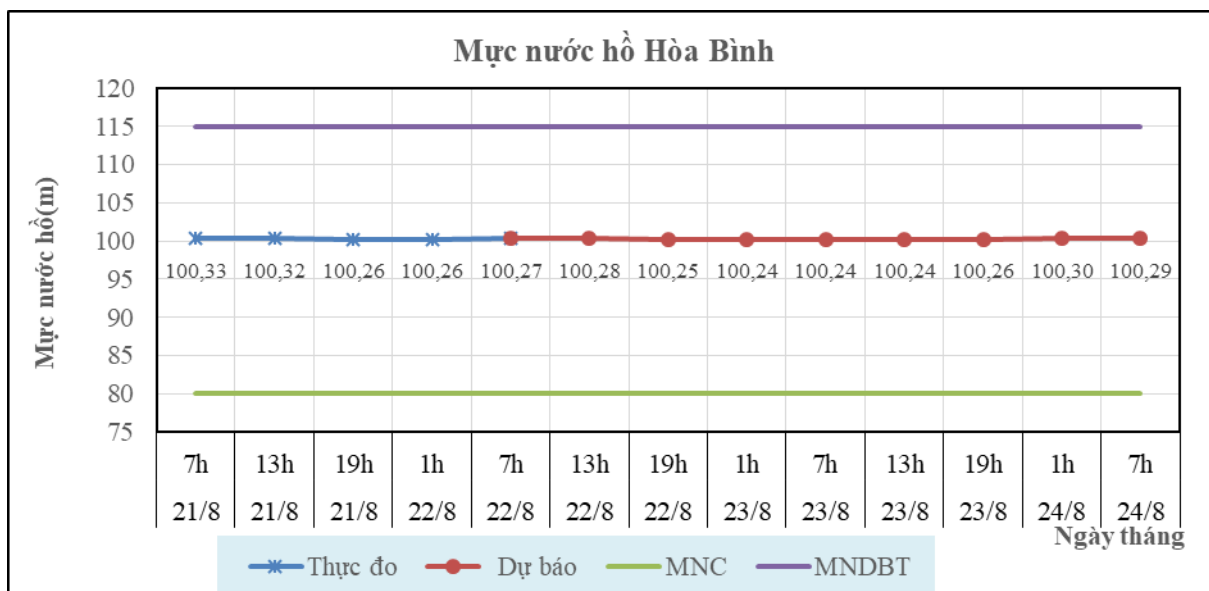
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 22/08/2025 đạt $2295\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 100,27m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $2250\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 100,24m, 48h tới lưu lượng đạt $2150\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 100,29m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

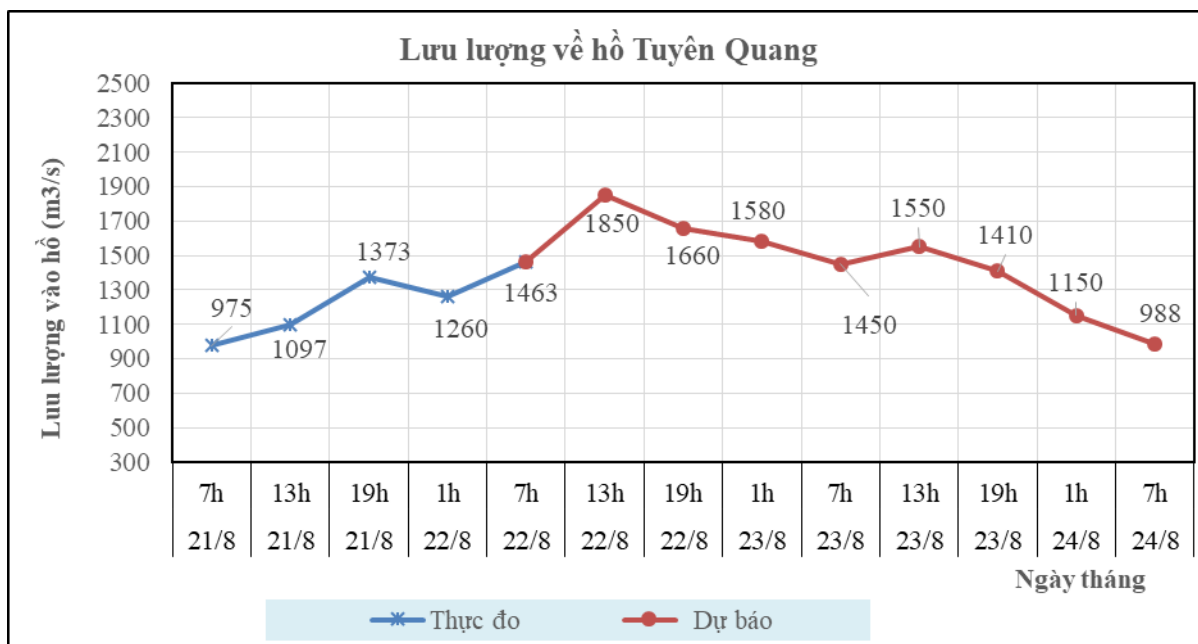
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

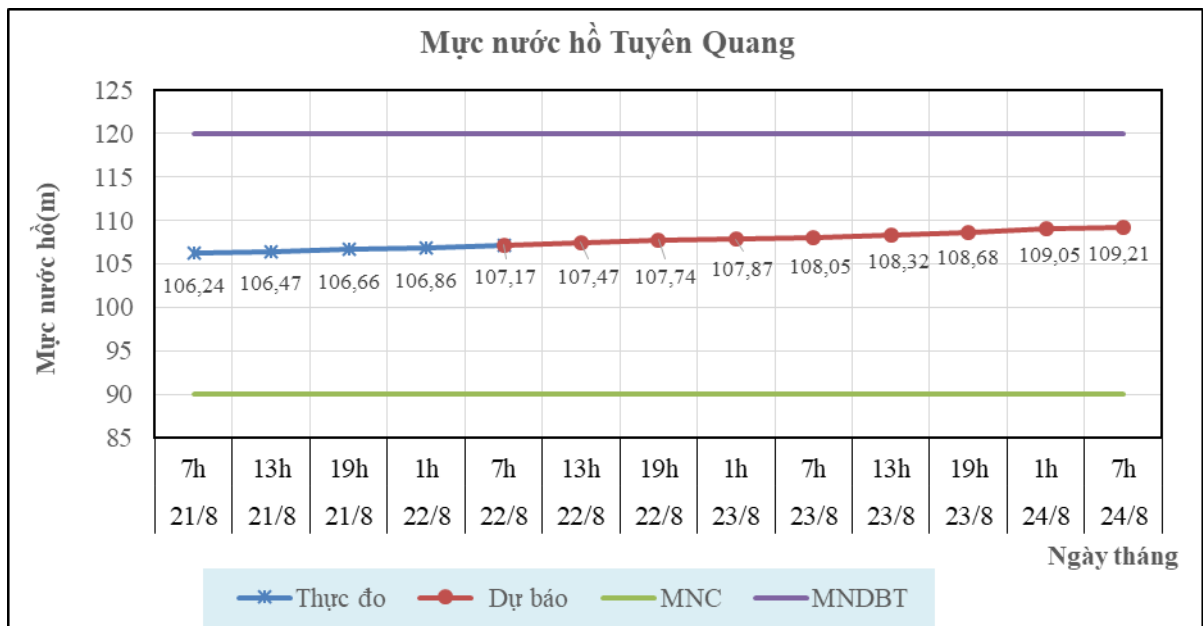
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 22/08/2025 đạt $1463\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 107,17m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $1450\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 108,05m, 48h tới lưu lượng đạt $988\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 109,21m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

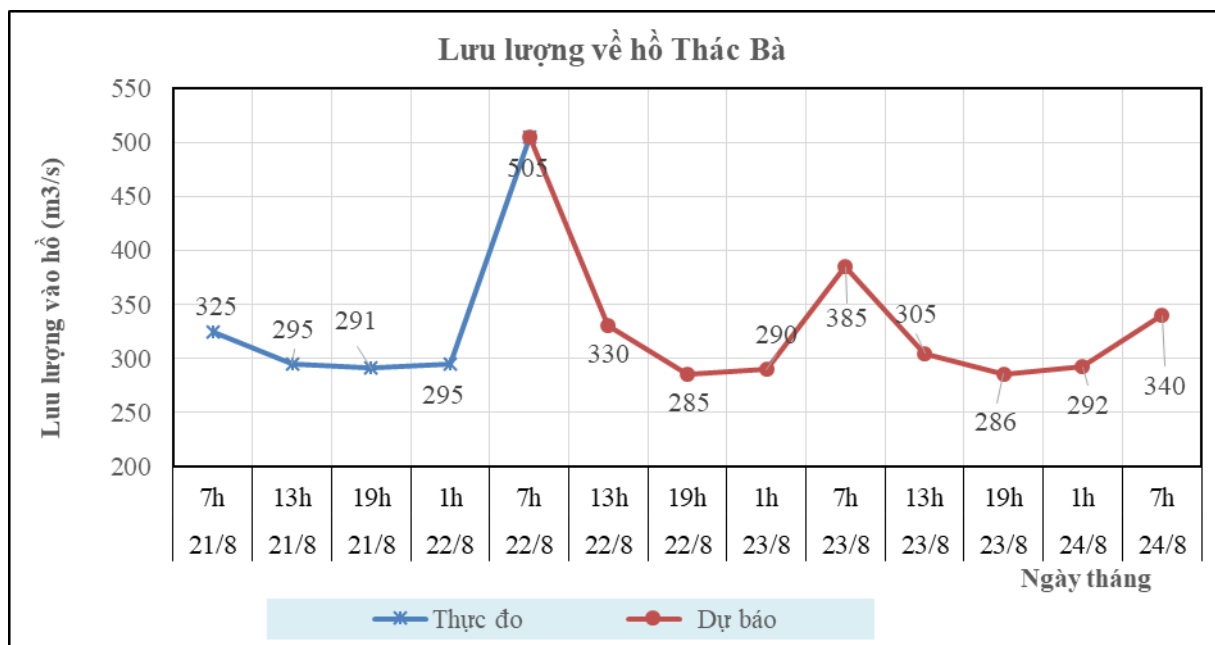
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

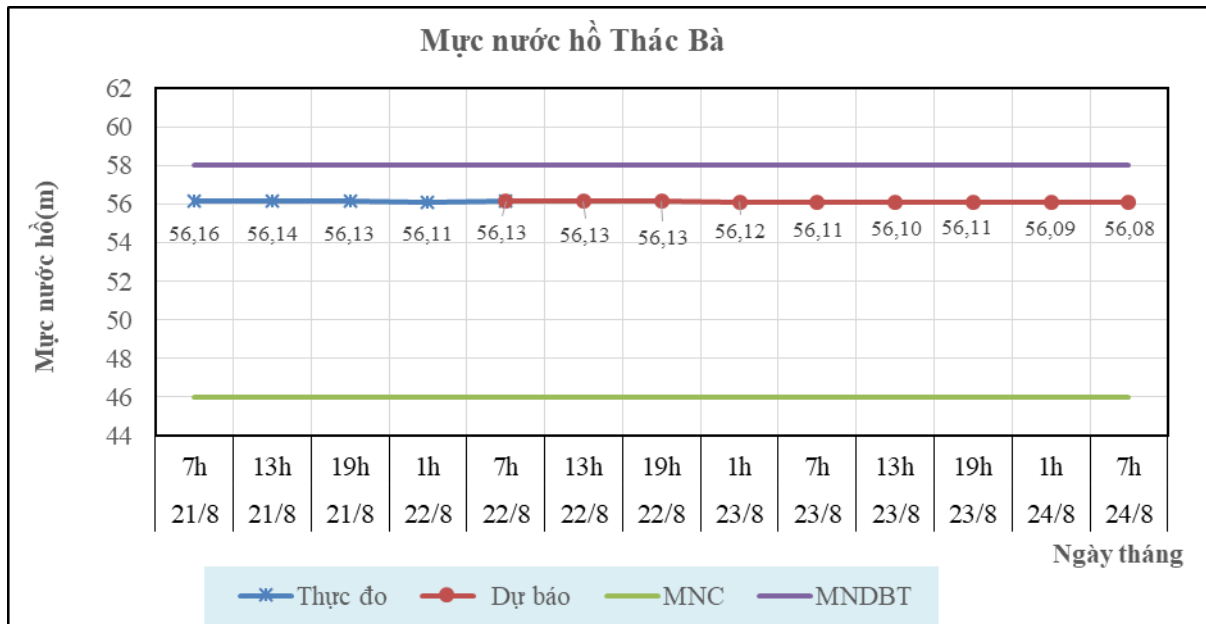
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 22/08/2025 đạt $505\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 56,13m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $385\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 56,11m, 48h tới lưu lượng đạt $340\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 56,08m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)
1	22/08/2025	13h	0	0	3356	1300	202,40	0	0	1780	2100	100,28	0	0	1850	720	107,47	0	0	330	200	56,13
2		19h	0	0	3230	2360	202,55	0	0	1890	2330	100,25	0	0	1660	708	107,74	0	0	285	437	56,13
3	23/08/2025	1h	0	0	3150	2000	202,66	0	0	2540	2440	100,24	0	0	1580	720	107,87	0	0	290	437	56,12
4		7h	0	0	3350	1300	202,81	0	0	2250	2000	100,24	0	0	1450	750	108,05	0	0	385	435	56,11
5		13h	0	0	3050	2000	202,96	0	0	1910	2080	100,24	0	0	1550	750	108,32	0	0	305	200	56,10
6		19h	0	0	3260	2450	203,06	0	0	2415	2000	100,26	0	0	1410	800	108,68	0	0	286	435	56,11
7	24/08/2025	1h	0	0	3180	1995	203,17	0	0	2490	2500	100,30	0	0	1150	600	109,05	0	0	292	436	56,09
8		7h	0	0	3050	1660	203,31	0	0	2150	1900	100,29	0	0	988	750	109,21	0	0	340	400	56,08